

Bản án số: 60/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 22 tháng 6 năm 2026

V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Tú Anh

Bà Lê Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Khuất Phương Thảo – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 2, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2026/TLST-HN ngày 14 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2026/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Đinh Công T, sinh năm 1974; Căn cước công dân số: 034074010016 do Bộ C cấp ngày 07/8/2024; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; *Địa chỉ:* Lô D Khu Đ, Phường T, Thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Chị Trịnh Thị Tố N, sinh năm 1982; Căn cước công dân số: 019182009172, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/8/2022; Nghề nghiệp: Kinh doanh; *Địa chỉ:* Lô D Khu Đ, Phường T, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng tiếp theo tại Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Đinh Công T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Công T và chị Trịnh Thị Tố N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V (nay là phường B), quận B, Hà Nội vào ngày 12/01/2006.

Sau khi kết hôn anh chị sống tại số L Khu Đ, Phường T, Thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng cũng đã tìm cách khắc phục nhưng không không có kết quả. Cuối năm 2016, anh đã làm đơn xin ly hôn chị N ra Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội. Quá trình giải quyết Tòa án hòa giải cho vợ chồng cùng với việc gia đình hai bên cũng hòa giải và chị N cũng đã xin lỗi anh T và hứa sẽ sửa đổi nên anh đã rút đơn về đoàn tụ gia đình.

Sau khi rút đơn về đoàn tụ gia đình tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tôi được cải thiện một năm sau đó lại phát sinh căng thẳng hơn trước, vợ chồng hay xảy ra cãi cọ nhau do bất đồng quan điểm sống về cách dạy con và cách nhìn nhận cuộc sống xung quanh, chị N không có sự thấu hiểu và đồng cảm với suy nghĩ của chồng.

Vợ chồng phát sinh căng thẳng nhất là giữa năm 2025 do cách suy nghĩ của hai vợ chồng khác và quan điểm khác nhau. Hiện nay anh chị sống chung một nhà nhưng không ngủ chung với nhau một năm nay.

Nay anh T xác định tình cảm của anh đối với chị N không còn vì tình cảm của anh đối với chị N đã bị tổn thương quá sâu nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh T và chị N có 03 con chung là Đinh Thái D (nam), sinh ngày 10/10/2006, Đinh Thanh T1 (nam), sinh ngày 27/11/2011 và Đinh Ngọc Khánh L (nữ), sinh ngày 28/6/2014.

Cháu D đã đủ tuổi trưởng thành ở với ai là do cháu quyết định. Nguyên vọng của anh T xin được trực tiếp nuôi hai cháu còn lại và các cháu cũng có nguyện vọng ở với bố.

Nếu được ly hôn, nếu được nuôi cả hai con chung, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Anh T hiện đang kinh doanh cho công ty T2, thu nhập một tháng khoảng 40.000.000 đồng.

Sau khi ly hôn, anh T vẫn ở tại nhà đất đứng tên em trai. Nhà đất có diện tích xây dựng là 140m² hiện có bố mẹ anh T, anh T và các con đang ở. Diện tích theo GCN là 240m².

Về tài sản chung: (*động sản và bất động sản*): Anh T và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T và chị N không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai và các ý kiến trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án chị Trịnh Thị Tố N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị N xác nhận về thời gian kết hôn chung sống như anh T trình bày là đúng.

Chị xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, do bên gia đình anh T chung sống với nhau có bốn thế hệ cùng sống chung nên không thể tránh khỏi mâu thuẫn. Mặt khác vợ chồng em dâu của anh T sống trong thành phố Hồ Chí Minh nhưng mỗi khi ra Hà Nội là về sống chung cùng với bố mẹ chồng chị và gia đình chị, mỗi lần như vậy, em dâu anh T không làm bất cứ một việc gì chỉ đi chơi và ngồi xem điện thoại, mọi việc gia đình là do chị đảm nhiệm hết, nhưng sau đó em dâu anh T lại đổ lỗi cho chị là gây chia rẽ tình cảm gia đình, từ đó dẫn đến chị bị tổn thương tâm lý và phải đi chữa bệnh. Anh T cũng rút đơn về đoàn tụ gia đình. Sau khi rút đơn về đoàn tụ tình cảm vợ chồng chị được cải thiện.

Trong cuộc sống vợ chồng chúng chị cũng có những quan điểm, suy nghĩ khác biệt, nhưng không phải chỉ vợ chồng chị mà anh chị sống cùng bố mẹ chồng, bố mẹ chồng chị cũng có quan điểm khác biệt với nhau.

Anh chị sống trong gia đình có bốn thế hệ nên có rất nhiều mâu thuẫn bất đồng trong gia đình như mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, giữa chị em dâu với nhau vì những chuyện thường ngày trong gia đình.

Để tránh những mâu thuẫn xảy ra, chị cũng đã nói chuyện với anh T để vợ chồng chị chuyển ra ngoài sống tránh mọi mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, chị dâu em chồng rồi dẫn đến va mâu thuẫn vợ chồng, nhưng anh T không nhất trí chuyển ra ngoài sống.

Để vợ chồng dẫn đến ra tòa ngày hôm nay chị xác nhận tôi cũng có cái sai, chị mong muốn anh T suy nghĩ lại để vợ chồng ra ở riêng khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, để vợ chồng đoàn tụ cho các con có mái ấm gia đình có cả bố và mẹ.

Nay anh T xin ly hôn mong muốn của chị muốn đoàn tụ gia đình để các con có đầy đủ cả bố và mẹ.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung như anh T trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, nguyện vọng của chị xin được nuôi 02 con chung là cháu Đình Thanh T1 và Đình Ngọc Khánh L, cháu Đình Thái D đã trưởng thành ở với ai do cháu tự quyết định.

Mong muốn của chị xin được nuôi cả hai con chung, nếu trường hợp không được giao nuôi cả hai con thì chị xin được nuôi cháu Đình Ngọc Khánh L. Lý do chị xin được nuôi cháu L là do cháu là con gái đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn, hơn nữa tôi là người mẹ gần gũi con gái sẽ tốt hơn.

Nếu được nuôi hai con chung hay là được nuôi một con chung chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn việc cấp dưỡng nuôi con bao nhiêu là tùy anh T

Hiện chị kinh doanh văn phòng phẩm, thu nhập trung bình một tháng của chị là khoảng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Ngoài ra chị mới làm thêm tư vấn chứng khoán, thu nhập hiện tại từ việc làm thêm này là khoảng 5.000.000 đồng/ 1 tháng.

Lý do chị xin được nuôi con: trước hết chị là người mẹ, chị sinh các cháu ra và chăm sóc các cháu từ nhỏ cho tới nay, anh T luôn đi công tác, không có thời gian chăm sóc con cái. Tất cả việc chăm sóc con là do chị thực hiện.

Về chỗ ở, hiện nhà đất anh chị đang ở là đứng tên em của anh T. Nếu ly hôn, chị sẽ chuyển về sinh sống cùng nhà bố mẹ đẻ. Nhà của bố mẹ chị khoảng 40m², 3 tầng 1 tum, có địa chỉ Tổ E, B, H, Hà Nội. Hiện chỉ có bố mẹ chị và em gái chị sinh sống tại đó.

Về tài sản chung (Động sản, Bất động sản): Chị xin tự thỏa thuận không yêu cầu toà án giải quyết

Về nợ chung: Chị N xác nhận vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ không yêu cầu Toà án giải quyết

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đình Công T đối với chị Trịnh Thị Tố N. Về con chung xác nhận anh T, chị N có 03 con chung là Đình Thái D (nam), sinh ngày 10/10/2006, Đình Thanh T1 (nam), sinh ngày 27/11/2011 và Đình Ngọc Khánh L (nữ), sinh ngày 28/6/2014. Cháu D đã trưởng thành nên không xem xét. Đề nghị giao cháu Đình Thanh T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đình Ngọc Khánh L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, nợ chung: Anh T, chị N không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Anh T phải

chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là chị Trịnh Thị Tố N, sinh năm 1982; *Địa chỉ: Lô D Khu Đ, Phường T, Thành phố Hà Nội*. Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[1]. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Đinh Công T và chị Trịnh Thị Tố N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận B (nay là phường B), Hà Nội vào ngày 12/01/2006 chứng nhận kết hôn Số 08-2006 ngày 12/01/2006. Hôn nhân của anh T và chị N là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân nhau.

Vợ chồng đã từng làm đơn ly hôn ra Tòa, sau đó cũng đã rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên quá trình chung sống, đời sống vợ chồng không cải thiện mà còn thẳng hơn trước. Hiện tại anh chị đã sống ly thân. Do đó Hội đồng xét xử nhận định mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Chị N không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục tình trạng hôn nhân hiện tại của anh chị. Vì vậy việc anh T xin ly hôn chị N vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2]. **Về nuôi con chung:** Anh Đinh Công T và chị Trịnh Thị Tố N có 03 con chung là Đinh Thái D (nam), sinh ngày 10/10/2006, Đinh Thanh T1 (nam), sinh ngày 27/11/2011 và Đinh Ngọc Khánh L (nữ), sinh ngày 28/6/2014. Cháu Đinh Thái D đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét.

Xét yêu cầu xin nuôi cháu Đinh Thanh T1 và Đinh Ngọc Khánh L của anh T và chị N Hội đồng xét xử thấy: Yêu cầu xin được nuôi con của anh T, chị N là hoàn toàn chính đáng, thể hiện trách nhiệm của người là cha, làm mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi phải xem xét đến điều kiện về mọi mặt của hai bên.

Xét về điều kiện thu nhập: Theo tài liệu, chứng cứ do anh T, chị N xuất trình, thấy hai bên đều có công việc và thu nhập đủ điều kiện để nuôi con.

Xét điều kiện nơi ở: Anh T có nơi ở là nhà của em trai anh T. Chị N sau ly hôn sẽ về ở tại nhà bố mẹ chị khoảng 40m², 3 tầng 1 tum, có địa chỉ Tổ E, B, H, Hà Nội.

Nguyện vọng của hai cháu Đinh Thanh T1 và Đinh Ngọc Khánh L xin được ở với bố.

Xét thấy: Tuy cháu Đinh Ngọc Khánh L có nguyện vọng ở với bố nhưng xét thấy cháu là con gái, vẫn còn bé cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn. Hơn nữa đây là giai đoạn cháu đang dậy thì cần sự hướng dẫn chỉ bảo của người mẹ. Vì vậy, giao cháu

Đình Thanh T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đình Ngọc khánh L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp với Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. **Về chia tài sản chung** (động sản và bất động sản): Anh Đình Công T và chị Trịnh Thị Tố N không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[4]. **Về nợ**: Anh Đình Công T và chị Trịnh Thị Tố N không có nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét

[5]. **Về án phí**: Anh Đình Công T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa hôm nay phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; khoản 1 Điều 228; các Điều 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đình Công T đối với chị Trịnh Thị Tố N. Cho anh Đình Công T được ly hôn chị Trịnh Thị Tố N.

2. Về nuôi con chung: Xác nhận anh Đình Công T và chị Trịnh Thị Tố N có 03 con chung là Đình Thái D (nam), sinh ngày 10/10/2006, Đình Thanh T1 (nam), sinh ngày 27/11/2011 và Đình Ngọc Khánh L (nữ), sinh ngày 28/6/2014. Cháu Đình Thái D đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét.

Giao cháu Đình Thanh T1 cho anh Đình Công T nuôi dưỡng; giao cháu Đình Ngọc Khánh L cho chị Trịnh Thị Tố N nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Đình Công T và chị Trịnh Thị Tố N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về chia tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh Đình Công T và chị Trịnh Thị Tố N không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét

4. Về nợ: Anh Đình Công T và chị Trịnh Thị Tố N không có nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Đình Công T phải chịu 300.000 VNĐ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 VNĐ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000824 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi Hành án dân sự thành phố Hà Nội. (anh T đã nộp đủ án phí).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh T và chị N. Anh T, chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND khu vực 2 - Hà Nội.
- Phòng THA khu vực 2 – Hà Nội.
- Đường sự.
- UBND phường Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TOÀ**



Đặng Thị Hường